

[porno](#) [porn](#)



Tóm tắt

Việc áp dụng kiểm tra giá trị của Lợi thế Thặng dư (LTTM) theo Chuẩn mực IFRS Báo cáo tài chính (IFRS) được xem là bước quan trọng trong việc chuyển đổi kế toán tài chính và lập BCTC từ phân pháp giá phí đến phân pháp giá trị hợp lý.

Bản văn phân pháp giá trị hợp lý trong việc đánh giá giá trị của Lợi thế Thặng dư

Sự thay đổi kế thuật này là chủ đề tăng lên của nhu cầu nghiên cứu mà thặng dư xuyên biên giới trích nhu cầu khía cạnh kế thuật của chuẩn mực mới và nêu bật sự tùy ý tăng lên mà nó cho phép các nhà quản lý trong việc xác định lợi nhuận trong kỳ. Trong khuôn khổ bài viết này, phân pháp giá trị hợp lý được thảo luận về khía cạnh kế thuật và đưa ra những vấn đề bàn luận có liên quan đến các quy định của chuẩn mực. Nghiên cứu này giúp ích cho các nhà ban hành chính sách có cái nhìn sâu sắc hơn về việc áp dụng phân pháp giá trị hợp lý cũng như định hình trong việc ban hành chính sách phù hợp hơn trong điều kiện của Việt Nam.

1. Giới thiệu

Sự áp dụng IFRS đã dẫn đến sự thay đổi đáng kể đến kế toán và phân pháp lập báo cáo tài chính của Lợi thế Thặng dư (LTTM) được áp dụng từ nhu cầu trên thế giới, trong đó có Hong Kong. Phân pháp kiểm tra giá trị của LTTM theo IFRS hoàn toàn khác với các phân pháp ghi nhận và xử lý trước đây với mục đích, bản chất và thời gian.

Yêu cầu kiểm tra giá trị của LTTM theo Chuẩn mực kế toán số 36 (HKAS 36) *Giá trị của Tài sản*

”được áp dụng cho kỳ lập báo cáo từ 1/1/2005 và yêu cầu xác định “Giá trị có thể thu hồi” đối với LTTM ít nhất hàng năm. Giá trị có thể thu hồi của LTTM được so sánh với giá trị ghi sổ của

LTTM đ đánh giá chi phí gi m giá tr c a LTTM (n u có). Giá tr có th thu h i đ c xác đ nh là giá tr cao h n gi a giá tr h p lý và giá tr s d ng.

S chuy n đ i sang k toán và báo cáo LTTM theo IFRS đã đ n đ n tính ph c t p tăng lên đáng k , xét c v k thu t và b n ch t trình bày nó trên BCTC. Đi u này tăng lên kh năng không tuân th và bi n đ ng v ch t l ng trình bày c a các công ty khi l n đ u áp đ ng HKAS 36 theo phoản pháp m i và ph c t p này.

Các nghiên c u tr c đây ki m tra trình bày gi m giá tr c a LTTM trong môi tr ng Úc, Malaysia, Anh, New Zealand, H ng Kông, Singapore đã ch ra tính không nh t quán v vi c tuân th và ch t l ng trình bày, đ c bi t t p trung vào các thông tin liên quan đ n vi c áp đ ng phoản pháp giá tr s d ng, phoản pháp đ c áp đ ng ch y u nh là c s trong vi c xác đ nh giá tr có th thu h i trong quá trình ki m tra gi m giá tr c a LTTM. Tuy nhiên, HKAS 36 quy đ nh r ng liên quan đ n giá tr h p lý, phoản pháp đ c ch p nh n đ a trên vi c ki m tra gi m giá tr c a tài s n trong nh ng tr ng h p nh t đ nh.

2. Quy đ nh chung và bàn lu n

Th c t , chu n m c chung v l p BCTC và k toán đ a trên nguyên t c giá g c đã mô t trong vi c ghi nh n và đo l ng các ch tiêu trên BCTC. Tuy nhiên, có xu h ng ngày càng tăng lên theo h ng nguyên t c giá phí s b thay th b i k toán theo phoản pháp giá tr h p lý. S chuy n đ i này ph n ánh nhu c u c a ng i s d ng BCTC và n l c c a c quan ban hành chu n m c trong vi c t o ra thông tin k toán phù h p h n. S th ng nh t k toán theo phoản pháp giá tr h p lý trong b n tóm t t c a các nguyên t c k toán đ c ch p nh n r ng rãi (GAAP) đã có nh h ng sâu s c đ n k toán và đ n tri t lý qu n lý.

Tr c năm 1938, phoản pháp giá tr h p lý th ng xuyên đ c áp đ ng đ i v i ngân hàng và các t ch c tài chính. Trong th i k kh ng ho ng kinh t , nhu c u c n thi t đ i v i các t ch c tài chính trong vi c ghi gi m giá c ph n và báo cáo l , và gi m công n . Tuy nhiên, giá tr h p lý xu t hi n l i t năm 1947 khi mà hàng t n kho b y u c u đ c đánh giá m c “giá th p h n giá g c hay theo giá th tr ng”, khi giá th tr ng đ c xác đ nh nh là giá phí thay th .

Ngày nay, vi c đo l ng, trình bày đ a trên phoản pháp giá tr h p lý đang tr nên ph bi n trong chu n m c l p BCTC, bao g m:

- Công khoản giao dịch hoặc công nợ để dần xếp nghĩa vụ thanh toán theo công cụ tài chính;
- Tài sản hoặc công nợ phát sinh từ hoạt động kinh doanh và xác định giá trị ban đầu của LTTM;
- Tài sản hoặc công nợ được điều chỉnh để phản ánh, ví dụ như kiểm tra giá trị của LTTM;
- Nghiệm vụ liên quan đến trao đổi tài sản giữa các bên để lập không xem xét đến tiền;
- Trình bày ghi chú BCTC cung cấp thông tin bổ sung ...

Kế toán và LTTM đã thay đổi từ Hội đồng Công từ 1/1/2005 được thực hiện theo HKFRS 3 “Hoạt động kinh doanh”, HKAS 36 “Giá trị của tài sản” và HKAS 38 “Tài sản vô hình”. Hiện tại, LTTM được ghi nhận ban đầu theo HKFRS 3 “Hoạt động kinh doanh” như là giá trị chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị hợp lý của tài sản trừ (-) đi giá trị hợp lý của công nợ và công nợ ngẫu nhiên.

Giá trị của LTTM có được từ Hoạt động kinh doanh không được khấu hao, theo đó LTTM được kiểm tra giá trị hàng năm hoặc bất cứ khi nào có sự kiện hoặc dấu hiệu cho rằng giá trị có thể thu hồi bị giảm giá trị, đó là giá trị ghi sổ vượt quá giá trị có thể thu hồi. Giá trị có thể thu hồi được xác định là giá trị cao hơn giữa giá trị hợp lý và giá trị sổ sách.

Vấn đề gây tranh cãi trong việc xác định giá trị có thể thu hồi của LTTM xuất phát từ thực tế rằng LTTM không tạo ra lợi nhuận một cách riêng biệt. Hơn là lợi nhuận được tạo ra từ tài sản mà LTTM là phần còn lại và không thể nhận riêng biệt. Khi giá trị có thể thu hồi của công

tài sản không thể tính được, chu kỳ mua yêu cầu đến với tổ tiên (CGU) mà tài sản liên quan đến các khoản đầu tư và giá trị có thể thu hồi của từng CGU được đánh giá. Đến với tổ tiên (CGU) được quy định:

- Nhóm tài sản nhận đầu tư như một tài sản mà nó tạo ra luồng tiền vào được lập với luồng tiền vào từ các tài sản khác hoặc nhóm tài sản khác;
- Đầu tư đầu tư có một đầu tư như một tài sản trong đầu tư mà LTTM được kiểm soát cho một đích quản trị nội bộ;
- Không liên hệ đến phân tích kinh doanh được xác định trong HKFRS 8 “Báo cáo phân tích”

Theo quy định của chu kỳ mua, kế toán tiền hành các tính giá trị có thể thu hồi của các CGU và tiền hành so sánh với giá trị ghi sổ của CGU (bao gồm cả giá trị LTTM phân bổ cho CGU đó). Nếu giá trị có thể thu hồi cao hơn giá trị ghi sổ, khi đó không xuất hiện chi phí giảm giá trị của tài sản. Ngược lại sẽ xuất hiện chi phí giảm giá trị của tài sản và chi phí này sẽ được phân bổ cho giá trị mà LTTM đã phân bổ cho CGU đó, sau đó đến các tài sản trong CGU theo tỷ lệ phần trăm.

Như vậy, nhận đầu tư bắt đầu chi phí giảm giá trị của tài sản phải được vào hai lần cho đó là nhận đầu tư CGU và thành phần CGU; và các tính giá trị có thể thu hồi của các CGU. Thúc đẩy lần cho tùy ý (theo ý muốn chủ quan) trong lĩnh vực này đã được các nhà nghiên cứu để cập khi áp dụng phân tích pháp mại và kiểm tra giảm giá trị của LTTM như là công cụ để kiểm soát lợi nhuận.

Để hiểu được tính ứng dụng của phân tích pháp giá trị hợp lý trong việc xác định giá trị có thể thu hồi của các CGU, rất hữu ích để soát xét một số quy định của chu kỳ mua mà yêu cầu báo cáo và trình bày về vấn đề này.

Điểm 6 của HKAS 36 quy định giá trị hợp lý trừ (-) đi chi phí bán là số tiền có thể thu được từ việc bán tài sản hay đến với tổ tiên giữa các bên trong sự trao đổi ngang giá. Chu kỳ mua chỉ rõ việc xác định số tiền có thể thu được theo phân tích pháp giá trị hợp lý như sau:

- Bảng chênh lệch tối thiểu là giá trong hợp đồng ràng buộc trong sự trao đổi ngang giá trị đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc bán tài sản đó;
- Nếu không có hợp đồng ràng buộc nhưng tài sản được trao đổi trên thị trường, giá trị hợp lý là giá thị trường trừ (-) chi phí bán tài sản đó. Khi đó, giá thị trường hợp lý thường là giá báo. Khi giá báo không tồn tại, giá trị hợp lý là giá của người mua giao dịch gần nhất;
- Nếu không có hợp đồng ràng buộc và giá thị trường cho tài sản; giá trị hợp lý dựa trên thông tin sẵn có phù hợp nhất để phản ánh giá trị mà đơn vị có thể thu được, tại ngày báo cáo, từ việc bán tài sản giữa các bên có hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá, sau khi trừ đi chi phí bán tài sản đó. Trong việc xác định giá trị này, đơn vị xem xét tất cả các người mua gần nhất đối với tài sản tương tự trong cùng ngành.

Khi không có hợp đồng ràng buộc, theo quy định của chuẩn mực, giá trị hợp lý của tài sản hay đơn vị tổ chức xác định bởi thị trường. Thị trường được xác định trong chuẩn mực là thị trường mà tất cả các đối tượng kinh doanh đều tham gia:

- Tài sản được trao đổi trong thị trường là đáng kể;
- Người mua và người bán có thể tìm được bất cứ thời gian nào;
- Giá của sản phẩm có sẵn công chúng.

Tài sản trong đơn vị tổ chức có liên quan đến từng đơn vị và tùy thuộc vào từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh, có nhiều khả năng tài sản là không thể đáng kể. Bởi vì bộ phận chuyên định giá tài sản, cũng như không thể xác định được người mua và người bán được tìm thấy bất cứ thời gian nào.

Trong khi giá của đơn vị tài sản đáng kể (chẳng hạn như chênh lệch khoản niêm yết) là sản phẩm có cho công chúng, để chúng ta phát hiện thị trường cho CGU, sự không thể xuất hiện ba đối tượng kinh doanh xảy ra đáng kể. Chỉ khi tài sản trong đơn vị tổ chức niêm yết được trao đổi trên thị trường.

Nói chung, để xác định giá trị hợp lý của tài sản hay đơn vị o t i n, cần tin cậy nhất đó là dựa trên giá của hợp đồng ràng buộc trả đi chi phí bán tài sản hoặc giá bán thu của tài sản trao đổi trên thị trường. Khi không tồn tại các loại giá này, đơn vị có thể áp dụng các cơ sở khác để xác định giá trị hợp lý của tài sản như giá niêm yết và giá nhậm, báo cáo của chuyên gia độc lập, mô hình chiết khấu lưu lượng tiền, tài sản thu nhập được đi u ch nh ...

Khi nghiên cứu sâu về các giá trị khác trong việc xác định giá trị hợp lý của tài sản và đơn vị o t i n, hàng loạt các vấn đề nảy sinh mà chưa thể được làm rõ. Cụ thể, giá trị hợp lý của tài sản dựa trên niêm yết và giá nhậm. Vấn đề đó là niêm yết và giá nhậm xảy ra khi nào, có so sánh được hay không, tài sản hay đơn vị o t i n đó có cùng rủi ro và cùng thị trường không, và sẽ càng khó áp dụng trong đi u ki n n n kinh tế khủng hoảng khi mà giá của tài sản ngày càng giảm giá trị.

Cũng có đơn vị xác định giá trị hợp lý của tài sản và đơn vị o t i n căn cứ vào ý kiến của chuyên gia bên ngoài. Tuy nhiên, vấn đề cần quan tâm đó là mục đích đánh giá, chất lượng đánh giá và trình độ của người đánh giá. Với mục đích đánh giá khác nhau sẽ đem lại kết quả đánh giá khác nhau. Ví dụ, đánh giá tài sản nhằm mục đích để vay vốn ngân hàng, nhà v y ch có ngân hàng sẽ sẵn lòng báo cáo đánh giá này do v y k t qu đánh giá tài sản có thể sẽ khác với kết quả xác định giá trị tài sản để cân ph n hóa khi mà dựa vào báo cáo này để phát hành cổ phiếu, trái phiếu ... Cũng có những đơn vị xác định giá trị hợp lý theo mô hình chiết khấu lưu lượng tiền. Tuy nhiên, mô hình này dường như phù hợp hơn để vi i vi c xác định giá trị có thể thu h i c a tài sản theo phân pháp giá trị sẵn lòng.

Có nhiều nghiên cứu và kiểm tra tính tuân thủ và chất lượng trình bày về giá trị của LTTM nhiều nước trên thế giới, phân pháp pháp chủ yếu được áp dụng để xác định giá trị có thể thu h i c a tài sản là phân pháp giá trị sẵn lòng. Một số ít đơn vị áp dụng phân pháp giá trị hợp lý trong việc xác định giá trị có thể thu h i c a tài sản và đơn vị o t i n. Tuy nhiên, qua bài viết này về việc xác định giá trị hợp lý dựa trên các giá trị như thị trường và các giá trị khác có liên quan gây ra nhiều sự tranh cãi về độ tin cậy của kết quả xác định. Với mục đích ghi nhận tài sản trên BCTC không vượt quá giá trị có thể thu h i cua tài sản, phân pháp giá trị hợp lý đang trở nên phổ biến hơn trong IFRS và sẽ dần thay thế nguyên tắc giá phí.

Tại Việt Nam, hiện tại chưa có chuẩn mực quy định về giá trị của tài sản cho nên tài sản và được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại. Chính vì vậy, giá trị ghi sổ của tài sản trên BCTC có thể chưa thực sự sát với giá trị có thể thu h i c a tài sản, mặc dù có rất nhiều nhân tố đơn vị đơn vị sổ sách giá trị tài sản, được biết trong thời kỳ khủng hoảng kinh

t. Tuy nhiên, thông qua kết quả của các nghiên cứu và chất lượng trình bày và tính tuân thủ liên quan đến giá trị tài sản của các công ty trên thị trường, các tranh luận của đơn vị kết thúc trong các nghiên cứu đó và trong bài viết này sẽ giúp ích cho các nhà ban hành chính sách doanh nghiệp và ban hành chu kỳ mới cho phù hợp hơn với điều kiện Việt Nam.

(Nguồn : www.kiemtoan.com.vn)